

**CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ BẠCH ĐĂNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ BẠCH ĐĂNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BACH DANG INTERNATIONAL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: BẠCH ĐĂNG

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109751808

**3. Ngày thành lập:** 23/09/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Khối 1, Xã Phù Lỗ, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0888507389

Fax:

Email: Quoctebachdang@gmail.com Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ hoạt động đấu giá và các loại Nhà nước cấm).<br>(Điều 28 Luật thương mại năm 2005) | 8299(Chính) |
| 2.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                        | 4933        |
| 3.  | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                                                                                             | 1010        |
| 4.  | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                                                                                     | 1020        |
| 5.  | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                                | 1030        |
| 6.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                          | 4632        |
| 7.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                           | 4620        |
| 8.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                              | 4631        |
| 9.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                            | 4633        |
| 10. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                           | 4690        |
| 11. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                        | 4641        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 12. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế;<br>- Bán buôn khẩu trang y tế, khẩu trang kháng khuẩn, găng tay y tế; nước sát khuẩn, nước sát trùng, sản phẩm rửa tay chống khuẩn;<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu. | 4649 |
| 13. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4610 |
| 14. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4753 |
| 15. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4759 |
| 16. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4799 |
| 17. | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)<br>Chi tiết: Sản xuất khẩu trang                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1392 |
| 18. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)<br>Chi tiết: Sản xuất quần áo bảo hộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1410 |
| 19. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn quần, áo, kính, mũ, găng tay, giày bảo hộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4669 |
| 20. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ khẩu trang y tế, khẩu trang kháng khuẩn, găng tay y tế; Nước sát khuẩn, Nước sát trùng, Sản phẩm rửa tay chống khuẩn; Quần, áo, kính, mũ, găng tay, giày bảo hộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4772 |
| 21. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4659 |
| 22. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4722 |
| 23. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4751 |
| 24. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4771 |
| 25. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4781 |
| 26. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4782 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 27. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                  | 4784 |
| 28. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ vật phẩm vệ sinh, gốm sứ, thủy tinh lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                             | 4789 |
| 29. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh.<br>(trừ loại nhà nước cấm) | 4773 |
| 30. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                    | 4721 |
| 31. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>(trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                        | 4719 |
| 32. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>-Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển;<br>-Logistics;<br>-Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu.                                                                                                      | 5229 |
| 33. | Bốc xếp hàng hóa<br>(trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)                                                                                                                                                                                                                                           | 5224 |
| 34. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(trừ kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                                                                                                                         | 5210 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ MƠ

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 12/02/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001189000801

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Khối 1, Xã Phù Lỗ, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Khối 1, Xã Phù Lỗ, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội